

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Thanh Nhân
- Ông Lê Văn Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 602/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Lương Thị L, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).
Địa chỉ thường trú: Thôn D, xã A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Văn H, tổ F, khu phố D, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.
- Bị đơn:** Ông Võ Hữu T, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ thường trú: Xóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.
Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Thanh T1, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lương Thị L trình bày:

- Về hôn nhân:** Qua một thời gian tìm hiểu, bà L và ông Võ Hữu T tự nguyện kết hôn, làm đám cưới được 02 bên gia đình đồng ý. Đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2013 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng đến B, tỉnh Bình Dương cư trú. Vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn mà ham chơi bài bạc. Ông T không có việc làm ổn định, không lo kinh tế gia đình, một mình bà L phải lo kinh tế trong gia đình. Bà L nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T không thay đổi do đó vợ chồng ngày càng phát sinh thêm mâu thuẫn. Tuy nhiên vì thương con nên bà L vẫn cố gắng chịu đựng chung sống với ông T. Đến cuối năm 2022 ông T đi làm ở Công ty G nhưng vẫn không phụ giúp bà L nuôi con. Ông T kêu bà L phụ ông T trả nợ, bà L không đồng ý thì ông T có những lời lẽ chửi bới xúc phạm bà L. Vợ chồng vì vậy ngày càng mâu thuẫn và mất dần tình cảm. Đến tháng 4/2023 không thể chung sống được với ông T nên bà L đem 02 con ra ngoài sống riêng. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay.

Hiện tình cảm của bà L với ông T không còn, vợ chồng đã mâu thuẫn quá trầm trọng, không thể nào tiếp tục chung sống với ông T được nữa. Do đó bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung : Bà L và ông T có 02 con là Võ Lương Minh N, sinh ngày 12/6/2014 và Võ Lương Minh H1, sinh ngày 30/5/2016. Các con hiện đang sống với bà L đã ổn định. Các con cũng có nguyện vọng sống với bà L. Ly hôn bà L yêu cầu nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu N và H1 mỗi tháng là 1.500.000 đồng/01 cháu để bà L đảm bảo cuộc sống cho các con. Hiện bà L đang làm công nhân tại Công ty G1 ở khu công nghiệp C ở phường A, thành phố B lương mỗi tháng khoảng 13.000.000 đồng. Hiện 02 con ở với bà L ở nhà trọ nhưng vẫn được chăm lo cuộc sống và học hành đầy đủ.

Hiện ông T làm việc tại Công ty TNHH G ở A, B lương thể hiện mỗi tháng lương ông T là hơn 13.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung : Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Võ Hữu T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn cư trú tại khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị L và ông Võ Hữu T có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2013 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Hôn nhân tự nguyện, do đó hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Bà L yêu cầu ly hôn với ông T vì chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn mà ham chơi bài bạc. Ông T không có việc làm ổn định, không lo kinh tế gia đình, một mình bà L phải lo kinh tế trong gia đình. Bà L nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T không thay đổi do đó vợ chồng ngày càng phát sinh thêm mâu thuẫn. Tuy nhiên vì thương con nên bà L vẫn cố gắng chịu đựng chung sống với ông T. Đến cuối năm 2022 ông T đi làm ở Công ty G nhưng vẫn không phụ giúp bà L nuôi con. Ông T kêu bà L phụ ông T trả nợ, bà L không đồng ý thì ông T có những lời lẽ chửi bới xúc phạm bà L. Vợ chồng vì vậy ngày càng mâu thuẫn và mất dần tình cảm. Đến tháng 4/2023 không thể chung sống được với ông T nên bà L đem 02 con ra ngoài sống riêng. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Hiện vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể tiếp tục hôn nhân, tình cảm của bà L với ông T đã hết nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T đến tham gia hòa giải đoàn tụ, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này cho thấy ông T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không muốn hàn gắn với bà L. Bà L và ông T không còn chung sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà L và ông T đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì hôn nhân, do đó yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ và được chấp nhận.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Võ Lương Minh N, sinh ngày 12/6/2014 và Võ Lương Minh H1, sinh ngày 30/5/2016. Con chung hiện do bà L nuôi dưỡng. Xét thấy các cháu N và H1 do bà L nuôi dưỡng đã ổn định. Các cháu cũng có nguyện vọng muốn sống với bà L. Bà L hiện làm công nhân tại Công ty G1 ở khu công nghiệp C ở phường A, thành phố B lương mỗi tháng khoảng 13.000.000 đồng đủ điều kiện nuôi con. Do đó tiếp tục giao 02 cháu cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T hiện đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S mỗi tháng là 13.000.000 đồng (bảng lương do Công ty G cung cấp). Do đó bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 01 cháu là 1.500.000 đồng là có căn cứ và được chấp nhận vì nghĩa vụ nuôi dưỡng con là của cả cha, mẹ. Việc buộc ông T cấp dưỡng nuôi 02 con để đảm bảo cuộc sống của các cháu tốt hơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông T cũng không có ý kiến gì vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Ông T phải chịu.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị L đối với bị đơn ông Võ Hữu T về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”; bà Lương Thị L được ly hôn với ông Võ Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Lương Minh N, sinh ngày 12/6/2014 và Võ Lương Minh H1, sinh ngày 30/5/2016 cho bà Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu H1 mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho mỗi cháu cho đến khi cháu N và cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L nộp đơn yêu cầu tại cơ quan thi hành án, nếu ông T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Bà L và ông T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, ông T được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

4. Án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000523 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: 300.000 đồng ông Võ Hữu T phải chịu.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang ;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thế Thị Ngọc Anh